

Luận bàn về 62 tà kiến tồn tại ở Ấn Độ cổ đại

ISSN: 2734-9195 10:10 05/09/2025

Chỉ có chính tri kiến được xây dựng trên Khổ, Tập, Diệt, Đạo mới có thể dẫn dắt hành giả đi đến giải thoát chân thật, vượt lên trên giới hạn của tướng tri.

Phần I. Tóm lược 62 thuyết tà kiến của ngoại đạo

Chủ trương “thường trú” với 4 luận chấp (Chấp theo quá khứ)

Chủ trương thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn.

1. Chấp thường kiến, do định tâm nhớ nhiều đời quá khứ
2. Chấp thường kiến, do định tâm nhớ tới 10 đại kiếp trong quá khứ (1 lần thành – trụ – hoại – không được coi là 1 đại kiếp)
3. Chấp thường kiến, do định tâm nhớ tới 50 đại kiếp trong quá khứ
4. Chấp thường còn, do sự suy luận, thẩm sát, “cho rằng” từ nhận thức.

Chủ trương một phần “thường trú”, một phần “vô thường” với 4 luận chấp (Chấp theo quá khứ)

Chủ trương này cho rằng thế gian có thứ thì vĩnh hằng, có thứ thì sinh, diệt.

1. Nhận thấy vị Đại Phạm thiên xuất hiện đầu tiên, tạo ra chúng sinh thì sống mãi, còn chúng sinh được tạo ra bởi ngài thì chết.
2. Nhận thấy các vị Phạm thiên không bị uế nhiễm dục lạc thì sống mãi, còn các vị say mê dục lạc thì thác sinh chỗ khác.
3. Nhận thấy các vị Phạm thiên không bị đốt cháy bởi đố kỵ và sân hận thì sống mãi, còn các vị bị rơi vào vòng đố kỵ, sân hận thì chết.
4. Nhận thấy các giác quan: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, cái bản ngã thì sinh, diệt; còn cái gọi là tâm, ý thì thường còn.

Chủ trương “hữu biên, vô biên” với 4 luận chấp (Chấp theo quá khứ)

Chủ trương này cho rằng trên thế gian có thứ thì có ranh giới, có chỗ thì không ranh giới.

1. Chấp thế gian, vũ trụ này có ranh giới xung quanh
2. Chấp thế gian, vũ trụ này vô biên không có ranh giới

3. Chấp thế giới hữu biên bên trên và bên dưới, vô biên về bề ngang
4. Chấp thế giới này không hữu biên, cũng không vô biên

Chủ trương “ngụy biện” với 4 luận chấp (Chấp theo quá khứ)

Khi được hỏi các vấn đề thì dùng lời ngụy biện trường uốn như con lươn (nói vòng vo).

1. Ngụy biện vì sợ sự sai lầm, vọng ngữ, dẫn tới phiền muộn, trở thành chướng ngại
2. Ngụy biện vì sợ sự chấp thủ, dẫn tới phiền muộn, trở thành chướng ngại
3. Ngụy biện vì bị chất vấn, phản biện, dẫn tới phiền muộn, trở thành chướng ngại
4. Ngụy biện vì vô minh

Chủ trương “vô nhân” với 2 luận chấp (Chấp theo quá khứ)

Chấp bản ngã và thế giới không có nhân gì sinh ra.

1. Nhờ nhập định, nhớ tới đời thác sinh làm Phạm thiên, không nhớ xa hơn nữa, đời Phạm thiên hoá sinh mà có nên chấp tự nhiên "không" thành "có".
2. Do sự suy luận, thẩm sát thấy không có nguyên nhân gì để hình thành ra thế giới và bản ngã.

Chủ trương “hữu tướng” với 16 luận chấp (Chấp theo tương lai)

Chấp sau khi chết, bản ngã có tướng.

1. Bản ngã có sắc, không bệnh, sau khi chết thì có tướng.
2. Bản ngã vô sắc, không bệnh, sau khi chết thì có tướng.
3. Bản ngã hữu sắc và vô sắc, không bệnh, sau khi chết thì có tướng.
4. Bản ngã phi hữu sắc và phi vô sắc, không bệnh, sau khi chết thì có tướng.
5. Bản ngã hữu biên, không bệnh, sau khi chết thì có tướng.
6. Bản ngã vô biên, không bệnh, sau khi chết thì có tướng.
7. Bản ngã hữu biên và vô biên, không bệnh, sau khi chết thì có tướng.
8. Bản ngã phi hữu biên và phi vô biên, không bệnh, sau khi chết thì có tướng.
9. Bản ngã nhất tướng, không bệnh, sau khi chết thì có tướng.
10. Bản ngã dị tướng, không bệnh, sau khi chết thì có tướng.
11. Bản ngã thiếu tướng, không bệnh, sau khi chết thì có tướng.
12. Bản ngã vô lượng tướng, không bệnh, sau khi chết thì có tướng.
13. Bản ngã thuần lạc, không bệnh, sau khi chết thì có tướng.
14. Bản ngã thuần khổ, không bệnh, sau khi chết thì có tướng.
15. Bản ngã hữu khổ hữu lạc, không bệnh, sau khi chết thì có tướng.
16. Bản ngã phi khổ phi lạc, không bệnh, sau khi chết thì có tướng.

Chủ trương “vô tướng” với 8 luận chấp (Chấp theo tương lai)

Chấp sau khi chết, bản ngã không có tướng.

1. Bản ngã có sắc, không bệnh, sau khi chết thì vô tướng.
2. Bản ngã vô Sắc, không bệnh, sau khi chết thì vô tướng.
3. Bản ngã hữu sắc và vô sắc, không bệnh, sau khi chết thì vô tướng.
4. Bản ngã hữu biên, không bệnh, sau khi chết thì vô tướng.
5. Bản ngã vô biên, không bệnh, sau khi chết thì vô tướng.
6. Bản ngã hữu biên và vô biên, không bệnh, sau khi chết thì vô tướng.
7. Bản ngã phi hữu biên và phi vô biên, không bệnh, sau khi chết thì vô tướng.
8. Bản ngã phi hữu sắc và phi vô sắc, không bệnh, sau khi chết thì vô tướng.

Chủ trương “phi hữu tướng, phi vô tướng” với 8 luận chấp (Chấp theo tương lai)

Chấp sau khi chết, bản ngã phi hữu tướng, phi vô tướng.

1. Bản ngã có sắc, không bệnh, sau khi chết thì phi hữu tướng, phi vô tướng.
2. Bản ngã vô sắc, không bệnh, sau khi chết thì phi hữu tướng, phi vô tướng.
3. Bản ngã hữu sắc và vô sắc, không bệnh, sau khi chết thì phi hữu tướng, phi vô tướng.
4. Bản ngã phi hữu sắc và phi vô sắc, không bệnh, sau khi chết thì phi hữu tướng, phi vô tướng.
5. Bản ngã hữu biên, không bệnh, sau khi chết thì phi hữu tướng, phi vô tướng.
6. Bản ngã vô biên, không bệnh, sau khi chết thì phi hữu tướng, phi vô tướng.
7. Bản ngã hữu biên và vô biên, không bệnh, sau khi chết thì phi hữu tướng, phi vô tướng.
8. Bản ngã phi hữu biên, phi vô biên, không bệnh, sau khi chết thì phi hữu tướng, phi vô tướng.

Chủ trương “đoạn kiến - đoạn diệt” với 7 luận chấp (Chấp theo tương lai)

Chủ trương đoạn diệt, chấp vào sự đoạn diệt của các loài hữu tình.

1. Dựa vào suy xét, thấy tất cả loài thai sinh, sau khi chết đều bị hư hoại.
2. Dựa vào suy xét, thấy chư Thiên ở cõi Dục Thiên, sau khi chết cũng bị hư hoại.
3. Dựa vào suy xét, thấy chư Thiên, có sắc, do ý tạo thành, sau khi chết cũng bị hư hoại.
4. Dựa vào suy xét, thấy bản ngã ở cõi Không Vô Biên xứ, sau khi chết cũng bị hư hoại.
5. Dựa vào suy xét, thấy bản ngã ở cõi Thức Vô Biên xứ, sau khi chết cũng bị hư hoại.

6. Dựa vào suy xét, thấy bản ngã Vô Sở Hữu xứ, sau khi chết cũng bị hư hoại.
7. Dựa vào suy xét, thấy bản ngã Phi Tướng Phi Phi Tướng xứ, sau khi chết cũng bị hư hoại.

Chủ trương “Niết bàn hiện tại” với 5 luận chấp (Chấp theo tương lai)

Chủ trương Niết bàn hiện tại chấp vào ý niệm sai lầm về Niết bàn như sau:

1. Chấp sự tận hưởng, sung mãn ngũ dục ở đời, cho là Niết bàn của loài hữu tình.
2. Bản ngã ly dục lạc, ly ác pháp, nhập tầng thiền thứ nhất, có tâm, có tứ, có hỷ, có lạc do ly dục sinh ra, chấp đó là Niết bàn của loài hữu tình.
3. Bản ngã có tâm, có tứ, nhập định tầng thiền thứ hai, nội tâm định tĩnh, hỷ lạc do định sinh ra, chấp đó là Niết bàn của loài hữu tình.
4. Bản ngã không tham hỷ, trú tâm xả bỏ, đạt chính niệm, chính trí, tới tầng thiền thứ ba, lạc do xả mà sinh, chấp đó là Niết bàn của loài hữu tình.
5. Bản ngã xả cả lạc, diệt trừ cả hỷ, đạt vào tứ thiền, thiền này không còn khổ lạc, khổ khổ, xả niệm thanh tịnh, chấp đó là Niết bàn của loài hữu tình.



Ảnh minh họa thiết kế bởi AI - Tạp chí Nghiên cứu Phật học

Phần II. Luận bàn về các nhóm luận thuyết tà kiến

Những quan điểm này được hình thành từ bối cảnh Ấn Độ cổ đại, khi các đạo sĩ ngoại đạo tìm cách giải thích sự hiện hữu của thế giới, linh hồn, và đời sau dựa trên kinh nghiệm định, tri giác, suy luận hoặc truyền thống triết học.

1. Chủ trương Thường trú

Nhiều đạo sĩ đạt được năng lực nhớ tiền kiếp thông qua thiền định, nhưng giới hạn ở tưởng tri về một mức độ thời gian nào đó. Khi tưởng tri vướng mắc trong đó thì cho rằng đã thấy được chân lý về linh hồn, vướng vào tà thuyết “ngã” và “thế giới” thường hằng. Đây là sự gán ghép sai lầm từ trải nghiệm thiền định, tưởng rằng thấy “quá khứ” là thấy toàn bộ sự thật, rồi chấp ngã bất diệt.

2. Chủ trương Một phần thường trú, một phần vô thường

Khi thấy có bậc Đại Phạm thiên (sáng tạo) hoặc các chúng sinh có đời sống lâu dài trong cõi trời, người ta chấp một số thường còn, một số vô thường. Hiện tượng này cũng là do tưởng tri mắc kẹt trong một số tầng tưởng lạc và được gọi ra hình sắc về truyền thống triết học của họ dẫn tới việc họ thấy các vị Phạm Thiên thay vì một vị thần của đất nước khác.

3. Chủ trương Hữu biên, Vô biên

Do suy tư vũ trụ học, thiền quán về thế giới vật chất, do kinh nghiệm quan sát cá nhân mà không thể khảo sát đúng sai, có người thấy thế giới hữu hạn, có người thấy vô hạn, hoặc chỗ này hữu hạn chỗ kia vô hạn. Đây là dạng tư duy siêu hình không có cơ sở thực nghiệm, chỉ là vọng chấp từ giới hạn của tri giác dẫn tới việc thiền quán bị vướng vào nó.

4. Chủ trương Ngụy biện

Một số đạo sĩ né tránh trả lời về các vấn đề vì sợ sai lầm, sợ bị chất vấn, hoặc đơn giản là vô minh, dẫn đến ngôn từ vòng vo, thiếu quyết đoán.

5. Chủ trương Vô nhân

Tà kiến này là sự phủ nhận về lý duyên khởi, do thiền quán mà bị tưởng tri làm che mờ đi chính tri kiến nên xây dựng hình thành chủ thuyết về tự nhiên mà có.

6. Chủ trương Hữu tướng

Khi đạt các tầng định có tướng, nhiều đạo sĩ chấp rằng sau khi chết, một cái “ngã” vẫn tiếp tục tồn tại trong trạng thái có tướng, với nhiều biến thể và được gán cho bản ngã đó 1 bản chất riêng biệt nào đó, có thể là có sắc, hoặc vô sắc, hoặc có ngã có sắc có ngã thì vô sắc, hữu biên – vô biên, khổ – lạc,... Đây là sự đồng hóa trải nghiệm thiền định cá nhân với một thực thể bên trong và cho đó là linh hồn, là cái ngã dù không thể chứng minh là nó đúng hay sai.

7. Chủ trương Vô tướng

Đây là trạng thái thiền khi các vị đạo sĩ đã xả bỏ được tướng, rơi vào trạng thái tướng vi tế, khi này dòng chảy tướng không mạnh mẽ như ở tầng trước, vì thế mà các đạo sĩ sinh ra chấp về cõi vô tướng. Tại cõi này vẫn tồn tại ngã, và các ngã có bản chất tương tự tầng cũ, chỉ là xả tướng đi mà thôi.

8. Chủ trương Phi hữu tướng, phi vô tướng

Một số thiền định vi tế đưa đến cảm giác vừa như có tướng, vừa như không tướng. Người ta gán cho bản ngã đời sau trạng thái này. Chấp cảnh giới vi tế trong thiền là “chân lý” của đời sau. Phi hữu tướng, phi vô tướng là trạng thái không hẳn có tướng, không hẳn vô tướng, giống dạng thức nửa tỉnh nửa mê, người mê man, vẫn nghe được người xung quanh nói chuyện nhưng lại mơ hồ về câu chuyện người ta nói.

9. Chủ trương Đoạn kiến

Quan sát hiện tượng chết, sự hoại diệt ở các loài (từ thai sinh, dục thiên, sắc giới, vô sắc giới) và suy ra “chết là hết”. Đây là quan điểm duy vật cực đoạn, phủ nhận đời sau, nghiệp báo.

10. Chủ trương Niết bàn hiện tại

Khi đạt an lạc ngũ dục, hoặc các tầng thiền sơ, nhị, tam, tứ, nhiều đạo sĩ chấp đó chính là Niết bàn. Đây là sự ngộ nhận kinh nghiệm hỷ lạc thiền định với cứu cánh giải thoát.

Phần III. Nguồn gốc của luận chấp

Phần lớn phát sinh từ tướng thức tức là nhận thức mang tính tưởng tượng, phóng chiếu, không phản ánh sự thật như thật. Khi hành giả đạt định, tâm rời khỏi đời sống thường ngày, có thể cho rằng đang nhớ lại một số kiếp sống quá khứ nhưng giới hạn, không thấy toàn diện; trải nghiệm các tầng thiền hỷ lạc, vô sắc, vô tướng, hay trạng thái vi tế “phi hữu phi vô”. Ý thức khi đó không được chính tri kiến soi chiếu, kém hơn tướng tri nên suy luận sai biệt, gán ghép bản chất, rồi cho rằng đó là chân lý.

Những kinh nghiệm này tạo ra tướng tri (tri kiến bị tướng chi phối), không phải chính tri kiến.

1. Cơ chế hình thành tà kiến

Thiền định giống như ánh sáng rọi sâu vào một vùng, nhưng chỉ thấy phần giới hạn, không thấy toàn cục khi thiếu đi sự dẫn lối của chính tri kiến. Khi ý thức bị

cô lập, không có sự khởi sinh từ các căn với trần, tưởng thức có cơ hội sinh khởi, bám chặt vào kinh nghiệm riêng, biến tướng nó thành bản chất. Ý thức lúc này vì tin có một “ta” trải nghiệm, hoặc tin vào trạng thái nào đó “ta” đang chiêm nghiệm mà không hiểu rõ lý tính duyên khởi, nên mọi trạng thái định đều quy về sự tồn tại hay đoạn diệt của một “ngã” cụ thể. Hiểu cơ bản là dạng ngã chấp vi tế. Kết quả là từ định sinh ra tà kiến, thay vì từ định mà thấy duyên khởi, vô ngã như con đường Phật dạy.

2. Điểm khác biệt với tinh thần Phật dạy

Ngoại đạo khởi tưởng, thấy trong định tưởng những cảnh giới, cảm thọ hoặc tiền kiếp, có thể là đúng, có thể là sai, nhưng đều không phản ánh chân lý, trong khi đó có thể khiến hành giả chấp ngã, chấp tướng, xa rời hiện tại bây giờ, xa rời mục đích ly tham, xả ly, đoạn diệt tham, sân, si. Phật nói về lý duyên khởi, chính kiến về khổ, khổ tập, khổ diệt, đạo đế, dùng thiền để quán tứ niệm xứ, dùng định như phương tiện, rồi quán sát bằng chính trí tuệ, thấy rõ khổ, vô thường, vô ngã, nhờ đó mà thành tựu sự tịnh tĩnh chứ không mơ hồ về ngã với bản chất hoặc một cõi của đáng tạo hóa.

3. Vì sao 62 luận thuyết bị gọi là tà kiến?

Vì tất cả đều không soi chiếu đúng Tứ Thánh Đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Chúng chỉ là kết quả của tưởng thức trong định tưởng hoặc suy luận siêu hình, bị giới hạn, không phản ánh trọn vẹn thực tại. Điểm chung chính là vẫn còn ngã chấp, dù chấp thường còn, đoạn diệt, hữu biên, vô biên, có tướng, vô tướng, hay thậm chí Niết bàn hiện tại.

Điểm mấu chốt Phật phủ nhận

Phật không phủ nhận về việc thấy quá khứ của 1 hành giả là đúng hay là sai, Phật không bác bỏ những thứ hành giả ngoại đạo thấy, Phật chỉ nêu lên rằng đó không phải chính tri kiến. Những dạng tưởng thức được khơi gợi có thể đúng, hoặc sai, nhưng đều đưa đến hệ quả của sự bám chấp và sinh tà kiến nếu không có chính tri kiến soi rọi.

Cái Phật phủ nhận chính là: chấp thủ những kinh nghiệm ấy thành “chân lý tuyệt đối”, một cái ngã tự thể, thường hằng tiếp tục tồn tại. Nếu không quy chiếu về Khổ (tính bất toàn của mọi hiện hữu), không thấy rõ Tập (nguyên nhân: ái, thủ, hữu), không chứng được Diệt (sự tắt hẳn ái dục), không đi vào Đạo (con đường Bát Chính), thì mọi quan điểm kia chỉ là tà kiến trôi buộc trong

luân hồi.

Kết luận

62 luận chấp của ngoại đạo rốt cuộc chỉ là sản phẩm của tưởng thức bị giới hạn trong định tưởng và suy luận siêu hình, chứ không phải chân lý cứu cánh. Điểm chung của chúng là đều nuôi dưỡng ngã chấp, hoặc rơi vào cực đoan thường kiến, hoặc sa vào đoạn kiến, hoàn toàn không thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử. Đức Phật phủ nhận tất cả những quan điểm ấy vì chúng không phản ánh đúng sự thật duyên khởi và không khế hợp với Tứ Thánh Đế. Chỉ có chính tri kiến được xây dựng trên Khổ, Tập, Diệt, Đạo mới có thể dẫn dắt hành giả đi đến giải thoát chân thật, vượt lên trên giới hạn của tưởng tri. Nhận rõ tà kiến và nương tựa vào trí tuệ duyên khởi chính là nền tảng vững chắc để người tu bước vào con đường giải thoát mà đức Phật đã chỉ dạy.

Cư sĩ Phúc Quang

Tài liệu: Đại Tạng kinh Việt Nam - Trường Bộ kinh (Digha Nikaya)/ Tập 1 - Kinh Phạm Võng